

Vietnam Daily Review

Vn-Index loay hoay vì bán ròng

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 1/3/2022		•	
Tuần 28/2-4/3/2022		•	
Tháng 3/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Bất chấp nỗ lực cứu cánh của bên mua, bên bán từng bước một đẩy VN-Index đi xuống trong phiên ngày hôm nay. Kết phiên, chỉ số giảm gần 9 điểm so với thứ sáu tuần trước. Nhóm cổ phiếu Thép và Phân bón ghi nhận một phiên giao dịch tích cực, tuy nhiên Ngân hàng, chứng khoán, bất động sản,... lại có một phiên giao dịch ảm đạm, điều này đã cản trở đà tăng của chỉ số. Trong nhóm VN30, 21 cổ phiếu kết phiên chìm trong sắc đỏ. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 10/19 ngành tăng điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Hiện tại, VN-Index đang thực hiện kiểm tra lại ngưỡng hỗ trợ quanh vùng 1490. Nếu test ngưỡng này thành công, chỉ số có thể sẽ tích lũy thêm tại vùng này trước khi bật tăng trở lại, còn nếu không, chỉ số có thể sẽ tiếp tục đi xuống ngưỡng hỗ trợ 1475-1480.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư hãy giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 28/02/2022, phần lớn các chứng quyền điều chỉnh theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật: HSG_Tín hiệu hồi phục (Trang 2)

Điểm nhấn:

- VN-Index **-8.76** điểm, đóng cửa **1490.13** điểm. HNX-Index **+0.26** điểm, đóng cửa **440.42** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+1.15)**, **DPM (+0.39)**, **GAS (+0.39)**, **DCM (+0.34)**, **HSG (+0.33)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.20)**, **BID (-1.07)**, **VHM (-0.87)**, **CTG (-0.83)**, **BCM (-0.78)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **22.607** tỷ đồng, giảm **-8.08%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23.580 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 14.79 điểm. Thị trường có **202** mã tăng, 37 mã tham chiếu và **252** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-797.39** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-353.037 tỷ)**, **CTG (-121.741 tỷ)**, **VIC (-105.868 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-19.63** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1490.13**
Giá trị: 22607.55 tỷ **-8.76 (-0.58%)**
Khối ngoại (ròng): -797.39 tỷ

HNX-INDEX **440.42**
Giá trị: 2775.22 tỷ **0.26 (0.06%)**
Khối ngoại (ròng): -19.63 tỷ

UPCOM-INDEX **112.20**
Giá trị: 1488.07 tỷ **-0.46 (-0.41%)**
Khối ngoại(ròng): 16.38 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	95.5	4.25%
Giá vàng	1,901	0.62%
Tỷ giá USD/VND	22,820	-0.04%
Tỷ giá EUR/VND	25,500	-0.91%
Tỷ giá JPY/VND	19,743	-0.08%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	13.45%
LS TPCP 5 năm	1.5%	15.38%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEFVND	140.5	HPG	-353.0
NLG	57.8	CTG	-121.7
TPB	44.5	VIC	-105.9
VRE	29.8	KBC	-58.0
STB	27.4	HDB	-53.7
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

BSC

Phân tích kỹ thuật

HSG_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: HSG nằm trong xu hướng hồi phục sau khi tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng hỗ trợ 35.2. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và RSI đều đang cho thấy xu hướng hồi phục tích cực. Đường giá cổ phiếu đã vượt ngưỡng MA20 và MA50. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 38.35, chốt lãi tại ngưỡng 46.9 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 35.2.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

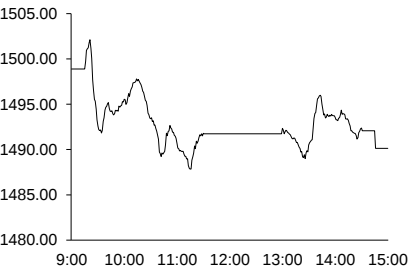
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	3.09%
Hóa chất	1.58%
Dầu khí	0.74%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.74%
Công nghệ Thông tin	0.70%
Truyền thông	0.68%
Dịch vụ tài chính	0.14%
Y tế	0.11%
Bảo hiểm	0.06%
Xây dựng và Vật liệu	0.02%
Viễn thông	0.00%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.01%
Bán lẻ	-0.41%
Ô tô và phụ tùng	-0.48%
Thực phẩm và đồ uống	-0.49%
Ngân hàng	-0.98%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.27%
Bất động sản	-1.53%
Du lịch và Giải trí	-2.39%

Hình 1

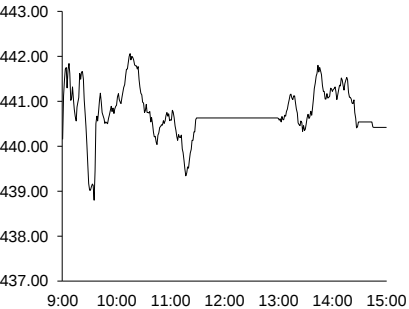
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

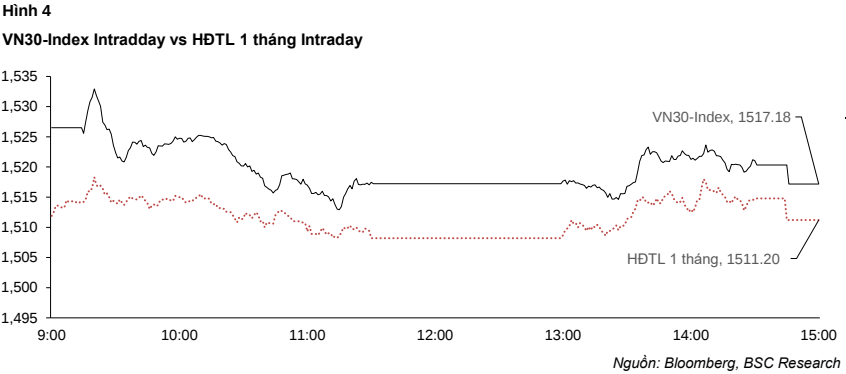
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
25/2/22	VGT	27	33	24	26.9	3	-0.37%	Có thể tiếp tục mua
24/2/22	PVB	23.5	28	21.5	24.6	4	4.68%	Có thể tiếp tục mua
23/2/22	PVT	24.8	29	23	24.9	5	0.40%	Có thể tiếp tục mua
22/2/22	CTD	96.1	110	93	96.8	6	0.73%	Có thể giữ nguyên vị thế
21/2/22	HBC	28.9	35	27.1	27.15	7	-6.06%	Có thể giữ nguyên vị thế
18/2/22	G36	19.8	25.2	17	18.7	10	-5.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
15/2/22	PAC	38.5	41.25	36.5	37.5	13	-2.60%	Có thể tiếp tục mua
10/2/2022	TVS	47.7	55.3	43.5	46.9	18	-1.68%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/2/2022	HPG	45.55	55	42	47.2	20	3.62%	Có thể tiếp tục mua
25/1/22	GAS	109.5	121	106	118	34	7.76%	Có thể giữ nguyên vị thế
19/1/22	PHR	79.1	95.1	74	80.3	40	1.52%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
17/2/22	DGC	147	168	141.5	TP	8	14.29%
16/2/22	LCG	20.3	23.2	19.3	SL	9	-4.93%
14/2/22	ASM	16.1	18	15	TP	7	11.80%
9/2/2022	SMC	40.35	47.2	38.5	SL	5	-4.58%
7/2/2022	GMD	46	52	43.75	TP	11	13.04%
28/1/22	MBS	32.5	37.9	31.9	TP	31	16.62%
27/1/22	HDG	60.1	67	58	TP	22	11.48%
21/1/22	DBC	76.5	89.5	72	SL	6	-5.88%
20/1/22	LCG	20.8	25	19	SL	6	-8.65%
18/1/22	PLC	46	59.4	45	SL	9	-2.17%
17/1/22	HVN	22.9	26	22	TP	21	13.54%
13/1/22	EVE	18.3	20	17.55	SL	4	-4.10%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	6	5	0.73%	-3.25%	0.22%	16
Cổ phiếu đã chốt	236	177	7.75%	-7.37%	5.14%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2203	1511.20	-0.38%	-5.98	0.4%	128,372	3/17/2022	19
VN30F2204	1510.20	-0.24%	-6.98	-6.0%	233	4/21/2022	54
VN30F2206	1505.00	-0.11%	-12.18	33.3%	60	6/16/2022	110
VN30F2209	1504.90	-0.57%	-12.28	85.5%	115	9/15/2022	201

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -9.32 điểm lên 1517.18 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VJC, ACB, MSN, PNJ đã tác động tiêu cực đến vận động của VN30. Phiên điều chỉnh hôm nay cho thấy VN30 đang quay về kiểm tra ngưỡng 1500 điểm. Tuy nhiên, với mức thanh khoản cao cùng với biểu hiện dòng tiền bất đáy trong những phiên trước, VN30 nhiều khả năng sẽ trụ vững tại ngưỡng 1500 điểm.

- Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐTL đều tăng, trừ VN30F2204. Xét về vị thế mở, các HĐ đều giảm, trừ VN30F2204. Điểm số giảm và lượng hợp đồng mở giảm mạnh cho thấy xu hướng dòng tiền đang rút khỏi thị trường. Các nhà đầu tư hãy giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN2107	3/14/2022	14	4.993:1	800	36.81%	3,100	2,400	25.65%	1,645	1.46	151,259	150,000	156,000
CMBB2107	4/8/2022	39	2:1	221,800	30.19%	2,200	2,760	1.85%	2,329	1.18	55,040	30,000	34,400
CMBB2201	9/20/2022	204	2:1	189,000	30.19%	2,700	4,340	1.40%	3,255	1.33	40,380	29,500	34,400
CSTB2202	9/20/2022	204	2:1	110,400	37.93%	2,700	4,020	-0.50%	2,945	1.36	63,420	29,500	32,850
CTPB2101	4/6/2022	37	3.703:1	119,700	41.04%	2,500	3,050	-0.97%	2,468	1.24	34,273	33,333	42,250
CVRE2105	5/4/2022	65	5:1	94,300	37.46%	1,200	1,240	-1.59%	881	1.41	67,200	30,000	33,500
CSTB2112	5/24/2022	85	1:1	58,200	37.93%	3,800	4,880	-2.59%	3,543	1.38	37,820	31,000	32,850
CVRE2109	3/7/2022	7	4:1	886,800	37.46%	1,100	1,200	-4.76%	1,131	1.06	81,900	29,000	33,500
CMWG2104	3/22/2022	22	6.644:1	25,300	30.82%	2,400	7,150	-5.67%	7,004	1.02	91,479	135,000	136,000
CKDH2107	4/27/2022	58	8:1	251,600	34.75%	1,300	1,390	-6.08%	1,198	1.16	52,588	43,888	52,900
CSTB2109	3/7/2022	7	2:1	666,700	37.93%	2,300	2,000	-6.54%	1,937	1.03	40,040	29,000	32,850
CMSN2104	5/4/2022	65	9.987:1	175,700	36.81%	5,200	4,050	-6.90%	3,945	1.03	118,110	0	156,000
CTCB2105	5/4/2022	65	5:1	451,100	30.83%	3,600	1,810	-7.18%	1,272	1.42	56,458	45,000	50,400
CVPB2108	7/3/2022	125	2.776:1	1,044,300	32.77%	2,200	1,010	-8.18%	818	1.23	53,570	64,500	38,000
CMWG2111	4/8/2022	39	10:1	789,400	30.82%	1,900	1,270	-9.93%	931	1.36	133,293	130,000	136,000
CMWG2108	3/14/2022	14	5:1	62,900	30.82%	3,500	2,650	-11.07%	2,106	1.26	130,192	126,000	136,000
CVPB2111	4/20/2022	51	4:1	277,400	32.77%	2,300	1,800	-11.76%	1,154	1.56	45,840	34,000	38,000
CMSN2110	4/8/2022	39	9.987:1	641,800	36.81%	2,200	1,950	-12.56%	1,694	1.15	142,299	142,000	156,000
CPNJ2201	9/20/2022	204	8:1	388,500	30.63%	2,300	2,590	-15.08%	1,844	1.40	142,900	95,500	103,000
CPNJ2106	3/14/2022	14	4.968:1	68,800	30.63%	2,600	1,670	-23.39%	1,260	1.33	134,951	98,000	103,000
Tổng				6,523,700	34.33%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 28/02/2022, phần lớn các chứng quyền điều chỉnh theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

- CACB2102 và CVRE2201 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 74.52% và 42.86%. Giá trị giao dịch tăng nhẹ 9.57%. CVRE2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.16% thị trường.

- CTCB2201, CSTB2201, CTPB2101, và CSTB2202 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2110, CMBB2109, CVRE2109 và CMSN2111 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2104, CMSN2104 và CMBB2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	136.0	-1.2%	0.8	4,215	10.7	6,936	19.6	4.8	49.0%	27.3%	
PNJ	Bán lẻ	103.0	-4.5%	1.0	1,018	10.5	4,543	22.7	3.9	48.3%	18.3%	
BVH	Bảo hiểm	59.1	0.2%	1.4	1,907	1.8	2,501	23.6	2.1	26.5%	9.0%	
PVI	Bảo hiểm	49.8	0.0%	0.5	507	0.2	3,543	14.1	1.5	57.9%	10.9%	
VIC	Bất động sản	77.0	-2.7%	0.7	12,768	15.7	(759)	N/A	N/A	3.0	14.4%	-3.1%
VRE	Bất động sản	33.5	-1.5%	1.1	3,310	7.6	578	57.9	2.5	30.0%	4.4%	
VHM	Bất động sản	77.5	-1.0%	1.1	14,672	9.6	9,048	8.6	2.6	23.9%	36.4%	
DXG	Bất động sản	42.3	-2.1%	1.3	1,096	16.3	1,941		2.9	30.7%	15.5%	
SSI	Chứng khoán	45.7	0.0%	1.5	1,973	15.0	2,768	16.5	3.2	38.9%	22.5%	
VCI	Chứng khoán	62.4	0.2%	1.0	903	5.9	4,512	13.8	3.2	20.7%	27.1%	
HCM	Chứng khoán	37.7	-0.4%	1.5	748	6.1	2,805	13.4	2.3	44.3%	19.5%	
FPT	Công nghệ	93.3	1.1%	0.9	3,682	6.1	4,354	21.4	4.7	49.0%	25.7%	
FOX	Công nghệ	71.1	0.4%	0.4	1,015	0.1	4,304	16.5	4.9	0.0%	30.0%	
GAS	Dầu khí	118.0	0.7%	1.3	9,819	4.8	4,381	26.9	4.4	2.9%	17.4%	
PLX	Dầu khí	62.3	-0.2%	1.5	3,442	6.6	2,337	26.7	3.2	17.1%	12.3%	
PVS	Dầu khí	34.9	3.3%	1.6	725	22.0	1,260	27.7	1.4	9.2%	5.0%	
BSR	Dầu khí	28.0	1.8%	0.8	3,775	16.4	(909)		2.8	41.1%	-8.7%	
DHG	Dược	112.5	-1.1%	0.4	640	0.2	5,720	19.7	3.9	54.3%	20.3%	
DPM	Hóa chất	57.6	6.9%	0.8	980	23.7	7,914	7.3	2.1	8.8%	33.5%	
DCM	Hóa chất	37.0	6.9%	0.7	852	15.5	3,313	11.2	2.6	5.8%	25.3%	
VCB	Ngân hàng	84.5	-0.7%	1.1	17,387	4.9	5,005	16.9	3.6	23.7%	21.4%	
BID	Ngân hàng	43.7	-1.9%	1.3	9,611	5.2	2,090	20.9	2.7	16.9%	13.2%	
CTG	Ngân hàng	33.2	-2.1%	1.4	6,927	18.5	2,940	11.3	1.7	26.0%	15.9%	
VPB	Ngân hàng	38.0	-0.5%	1.2	7,345	35.4	2,667	14.2	2.2	15.2%	18.0%	
MBB	Ngân hàng	34.4	0.9%	1.2	5,651	19.1	3,362	10.2	2.2	23.2%	23.6%	
ACB	Ngân hàng	33.9	-1.3%	1.0	3,982	5.7	3,554	9.5	2.0	30.0%	23.9%	
BMP	Nhựa	64.1	-0.3%	0.7	228	0.4	2,618	24.5	2.3	85.5%	9.0%	
NTP	Nhựa	62.9	-0.2%	0.4	322	0.2	3,951	15.9	2.7	17.9%	17.6%	
MSR	Tài nguyên	28.3	2.5%	0.8	1,352	2.0	39	725.6	2.2	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	47.2	2.8%	1.1	9,179	71.9	7,708	6.1	2.3	23.2%	46.1%	
HSG	Thép	38.4	7.0%	1.4	823	35.8	8,581	4.5	1.7	6.7%	45.9%	
VNM	Tiêu dùng	78.4	-0.6%	0.6	7,124	7.7	4,518	17.4	5.0	54.4%	29.3%	
SAB	Tiêu dùng	169.8	0.1%	0.8	4,734	0.5	5,663	30.0	5.1	62.7%	17.9%	
MSN	Tiêu dùng	156.0	-1.3%	0.8	8,007	2.9	7,257	21.5	5.6	28.8%	35.1%	
SBT	Tiêu dùng	22.6	-1.3%	1.3	618	2.8	1,097	20.6	1.7	7.2%	7.8%	
ACV	Vận tải	95.9	-1.1%	0.8	9,077	0.1	577	166.2	5.6	3.7%	3.4%	
VJC	Vận tải	140.1	-3.4%	1.1	3,299	4.9	2,271		4.5	16.6%	7.7%	
HVN	Vận tải	25.4	-2.1%	1.7	2,441	2.9	(6,523)		23.5	6.0%	-267.4%	
GMD	Vận tải	49.7	-1.6%	1.0	651	6.6	1,846	26.9	2.4	44.1%	9.1%	
PVT	Vận tải	24.9	2.5%	1.4	350	6.4	2,066	12.1	1.6	12.3%	13.3%	
VCS	Vật liệu xây dựng	107.4	0.9%	0.8	747	0.5	10,538	10.2	3.5	3.8%	40.6%	
VGC	Vật liệu xây dựng	52.5	-2.1%	0.5	1,023	2.0	2,738	19.2	3.3	4.1%	18.2%	
HT1	Vật liệu xây dựng	22.8	4.1%	0.9	377	1.6	969	23.5	1.7	1.9%	7.0%	
CTD	Xây dựng	96.8	-1.6%	1.1	311	1.3	310	311.8	0.9	46.8%	0.3%	
CII	Xây dựng	32.2	-2.1%	0.7	340	12.0	(1,434)	N/A	N/A	1.6	11.0%	-7.1%
REE	Điện	75.6	2.2%	-1.4	1,016	3.3	6,001	12.6	1.8	49.0%	15.0%	
PC1	Điện	38.8	1.8%	-0.4	397	3.1	2,997	12.9	1.9	4.9%	15.9%	
POW	Điện	17.4	-2.8%	0.6	1,767	21.6	759	22.9	1.4	2.5%	6.1%	
NT2	Điện	23.0	1.3%	0.6	288	0.4	1,778	12.9	1.6	14.1%	12.0%	
KBC	Khu công nghiệp	57.4	-0.7%	1.2	1,422	17.8	1,593	36.0	2.4	18.5%	6.7%	
BCM	Khu công nghiệp	79.0	-4%	1.1	3,555	1.7			5.2	2.5%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	47.20	2.83	1.49	35.20MLN
GAS	118.00	0.68	0.39	940300
DPM	57.60	6.86	0.37	9.68MLN
DCM	37.00	6.94	0.33	9.76MLN
HSG	38.35	6.97	0.32	21.87MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-2.05	4.68MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-0.89	2.84MLN	607060
BID	0.00	-0.88	2.70MLN	373600
CTG	0.00	-0.86	12.72MLN	192700
BCM	0.00	-0.82	481500	611640

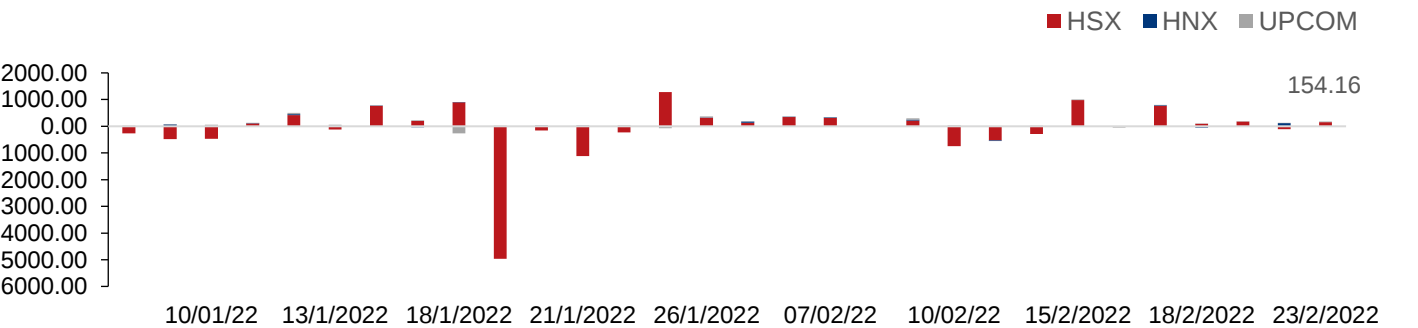
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LGC	53.50	7.00	0.17	2200.00
DRH	26.05	6.98	0.03	1.77MLN
HSG	38.35	6.97	0.32	21.87MLN
DAT	23.80	6.97	0.02	7600
SFG	20.00	6.95	0.02	324600

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNA	16.80	-6.67	-0.02	1.01MLN
EVG	14.55	-6.13	-0.03	1.15MLN
VRC	35.80	-5.67	-0.03	87100.00
NBB	32.20	-5.01	-0.04	2.41MLN
HOT	38.00	-5.00	0.00	400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	36.4	1,006	36.2	2.0	Click
3	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	39.0	1,968	19.8	1.9	Click
4	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	28.0	-909	#N/A N/A	2.8	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	65.7	362	181.5	5.6	Click
6	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	96.8	310	311.8	0.9	Click
7	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	76.8	7,200	10.7	1.9	Click
8	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	37.0	3,313	11.2	2.6	Click
9	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	163.1	13,121	12.4	4.6	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	64.9	5,715	11.4	3.0	Click
11	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	32.4	2,450	13.2	2.2	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	42.3	1,941	21.8	2.9	Click
13	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	23.6	949	24.8	1.4	Click
14	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	17.1	1,454	11.7	0.7	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	93.3	4,354	21.4	4.7	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	118.0	4,381	26.9	4.4	Click
17	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	118.0	4,381	26.9	4.4	Click
18	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	38.0	3,134	12.1	2.7	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	47.2	7,708	6.1	2.3	Click
20	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	38.4	8,581	4.5	1.7	Click
21	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	31.2	157	199.1	2.8	Click
22	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	17.6	1,520	11.6	0.8	Click
23	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	17.6	1,520	11.6	0.8	Click
24	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	15.0	689	21.8	1.1	Click
25	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	52.9	1,833	28.9	3.3	Click
26	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	53.0	5,898	9.0	1.8	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	81.3	8,820	9.2	2.9	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	136.0	6,936	19.6	4.8	Click
29	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	44.2	10,793	4.1	1.7	Click
30	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	54.2	3,055	17.7	2.3	Click
31	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	23.0	1,778	12.9	1.6	Click
32	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	38.8	2,997	12.9	1.9	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	103.0	4,543	22.7	3.9	Click
34	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	103.0	4,543	22.7	3.9	Click
35	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	17.4	759	22.9	1.4	Click
36	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	49.8	3,543	14.1	1.5	Click
37	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	34.9	1,260	27.7	1.4	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	37.3	1,064	35.1	3.8	Click
39	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	40.8	14,369	2.8	1.1	Click
40	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	80.6	3,013	26.7	5.5	Click
41	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	24.1	2,375	10.1	3.4	Click
42	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	26.9	570	47.2	2.2	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	76.5	6,052	12.6	2.4	Click
44	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	78.4	4,518	17.4	5.0	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	33.5	578	57.9	2.5	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	42.3	3499.1	12.1	1.8	Click
47	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.5	1,646	17.3	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
3	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
4	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
5	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
6	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
7	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
8	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
9	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
11	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
12	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
13	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
15	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
18	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
19	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
21	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
24	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
25	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
26	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
28	Banking Sector Outlook		x	Click
29	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
30	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
31	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
32	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
33	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
34	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
35	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
36	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
37	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
38	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
39	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
40	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
41	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
42	Fishery Outlook 2021		x	Click
43	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
44	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639